

Số: /BC-SNN-KH

Bình Phước, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, Nông thôn năm 2021 và triển khai kế hoạch năm 2022

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

Năm 2021, Ngành Nông nghiệp & PTNT Bình Phước triển khai thực hiện kế hoạch diễn ra trong điều kiện: (1) dịch bệnh covid-19 lây lan trên diện rộng nhiều tỉnh thành trong đó có Bình Phước phải áp dụng Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ dẫn đến khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ nông sản làm cho giá nông sản xuống thấp, đặc biệt là giá heo, gà; (2) giá phân bón tăng cao làm gia tăng giá thành sản xuất; (3) dịch bệnh trên gia súc, gia cầm tiềm ẩn có nguy cơ bùng phát, (4) biến đổi khí hậu, thiên tai dự báo tiếp tục tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực chỉ đạo, tuyên truyền hướng dẫn doanh nghiệp, bà con nông dân trong tỉnh chủ động ứng phó với diễn biến phức tạp của thời tiết, dịch bệnh Covid-19, linh hoạt thích ứng với diễn biến của thị trường nông sản, chủ động xử lý sớm dịch bệnh cây trồng, khoanh vùng dập dịch bệnh trên vật nuôi. Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất và sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; còn thực hiện hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho người dân trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt được năm 2021 như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU:

* Giá trị sản xuất Nông Lâm nghiệp và Thủy sản (giá cố định 2010) năm 2021 ước đạt 29.867,53 tỷ đồng tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 97,1% kế hoạch năm 2021 (*nguyên nhân chủ yếu: đàn gia cầm giảm do giá thành thấp hơn giá sản xuất nên người dân không tái đàn*).

Trong đó: GTSX nông nghiệp ước đạt 29.647,15 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm 2020; GTSX lâm nghiệp ước đạt 99,2 tỷ đồng, tăng 255% so với năm 2020; GTSX thủy sản ước đạt 121,18 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2020.

Cơ cấu trong ngành: Cơ cấu GTSX ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: Nông nghiệp 99,3% (trồng trọt chiếm 77,5%, chăn nuôi chiếm 22,3%, dịch vụ chiếm 0,2%); Lâm nghiệp 0,3%; Thủy sản 0,4%.

* Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm chung toàn tỉnh: 75,22%, đạt 100% kế hoạch.

* Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: ước thực hiện 10 xã phần đầu về đích trong năm 2021, đạt 100% kế hoạch.

* Tỷ lệ các hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 98,4%, đạt 100% kế hoạch.

1. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp với 03 nhiệm vụ trọng tâm: Tạo vùng nguyên liệu, chế biến, hình thành chuỗi liên kết. 03 ngành trọng điểm: Chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp. 03 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Chăn nuôi (heo, gà); hạt điều; sản phẩm từ gỗ. 03 giải pháp hỗ trợ tổng thể: Quy hoạch lại vùng sản xuất nguyên liệu; chính sách thu hút, hỗ trợ; nông nghiệp công nghệ cao.

1.1. Lĩnh vực trồng trọt:

Tốc độ tăng GTSX ngành trồng trọt đạt 3,63%, cụ thể như sau:

- Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 26.486 ha, giảm 4,3% (giảm 1.178 ha) so với cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch năm; tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 50.023 tấn, giảm 3.604 tấn so với cùng kỳ, đạt 94% kế hoạch năm. Trong đó: cây lương thực có hạt diện tích gieo trồng đạt 13.510 ha (giảm 965 ha) so với cùng kỳ; cây có củ diện tích gieo trồng đạt 6.186 ha (giảm 355 ha) so với cùng kỳ; cây thực phẩm diện tích gieo trồng đạt 3.858 ha (giảm 322 ha) so với cùng kỳ; cây công nghiệp hàng năm diện tích gieo trồng đạt 335 ha (tăng 3 ha) so với cùng kỳ và diện tích gieo trồng cây hàng năm khác 2.597 ha (tăng 461 ha) so với cùng kỳ.

- Cây lâu năm: Toàn tỉnh hiện có 431.668 ha, tăng 1.880 ha so với cùng kỳ, đạt 100,2% kế hoạch năm. Trong đó: cây ăn quả diện tích 12.062 ha, giảm 280 ha so với cùng kỳ, đạt 91,2% kế hoạch năm. Cây công nghiệp lâu năm khác diện tích 419.606, tăng 2.163 ha so với cùng kỳ, đạt 100,5% kế hoạch năm. Trong đó: Cây điều có 141.595 ha, tăng 1.727 ha so với cùng kỳ, đạt 100,8% kế hoạch năm; cây hồ tiêu có 15.720 ha, giảm 169 ha so với cùng kỳ, đạt 94% kế hoạch năm; cây cao su có 247.271 ha, tăng 613 ha so với cùng kỳ, đạt 99,8% kế hoạch năm; cây cà phê có 14.630 ha, tăng 14 ha so với cùng kỳ, đạt 98% kế hoạch năm.

- Tình hình sâu bệnh: Công tác bảo vệ thực vật vẫn được các cấp, các ngành duy trì quan tâm do đó tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng đều ở mức hại nhẹ ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng và phát triển cây trồng. Các bệnh chủ yếu trên cây trồng, như: cây tiêu: bệnh chết chậm, tuyến trùng, bệnh thán thư, bệnh chết nhanh; cà phê: bệnh rỉ sắt, khô cành, nấm hồng; điều: sâu đục thân, thán thư, bọ xít muỗi, khô cành, nấm hồng; cao su: nấm hồng, loét sọc mặt cạo, khô miệng cạo; cây ăn trái: sâu vẽ bùa, ruồi đục quả, sâu đục quả, rầy bông tua trắng . . .; rau: Sâu tơ, bệnh héo xanh, bệnh lở cổ rễ, bọ trĩ, rệp muội; khoai mì: khảm lá virus, chồi rồng.

1.2. Chăn nuôi:

Tốc độ tăng GTSX ngành chăn nuôi đạt 3,3%, cụ thể như sau:

Phát triển chăn nuôi chú trọng phát triển chăn nuôi công nghiệp gắn chuỗi giá trị chuyển biến rõ nét cả về quy mô và tổ chức sản xuất, thu hút 10 tập đoàn, Công ty chăn nuôi lớn đã đầu tư tại Bình Phước, như: CP, Japfa, Emivest, CJ, Hòa Phước, Thái Việt Swine line, Tập đoàn Tân Long, New Hope, Vietswan, Dabaco, Sunjin, Velmar,... Chăn nuôi theo chuỗi đang được tỉnh và các nhà đầu tư chú trọng phát triển, đã có các chuỗi sản phẩm gà đạt điều kiện xuất khẩu. Hiện trên địa bàn tỉnh đã có 03 nhà máy ấp trứng gia cầm, 02 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và 01 nhà máy giết mổ và chế biến gia cầm; Đã hình thành chuỗi thịt gà an toàn dịch bệnh xuất khẩu của Công ty TNHH CPV Food; Đã và đang bắt đầu hình thành chuỗi sản xuất thịt heo an toàn của Công ty TNHH

Japfa. Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác chăn nuôi cũng đã bắt đầu hình thành và được quan tâm hơn.

Về chăn nuôi lợn có 349 trại, chiếm gần 92% tổng đàn heo. Trong 349 trang trại: 170 trại nuôi gia công, 134 trại công ty thuê nuôi và 45 trại tự nuôi; có 212 trại có chuồng lạnh, kín (chiếm 60,74% tổng số trại), 137 trại có chuồng hở (chiếm 39,26% tổng số trại). Các trang trại lợn chủ yếu nuôi gia công, hoặc cho các công ty thuê nuôi như CP, CJ, Japfa, Làng Sen, Velmar, Thái Việt, NewHope, Hòa Phước,...

Về gia cầm có 87 trang trại, chiếm 57% tổng đàn. Trong số 87 trại gia cầm có 51 trại chăn nuôi công nghệ chuồng lạnh, kín, tự động hoặc bán tự động (chiếm 58,62% tổng số trại), còn lại là trại hở, bán nuôi thả. Các trại gia cầm chủ yếu cho nuôi gia công hoặc cho các công ty, tập đoàn thuê chăn nuôi như CP, Emivest, Vietswan, Sunjin, Japfa,...

Về tổng đàn: ước thực hiện năm 2021, đàn trâu 13.052 con, tăng 6,2% (763 con) so với năm 2020, đạt 95% kế hoạch năm; đàn bò 39.969 con, tăng 3,4% (1.329 con) so cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch năm; đàn lợn 1.263.913, tăng 17% (183.913 con) so với cùng kỳ, đạt 109,9% kế hoạch năm; đàn gia cầm 7.345 ngàn con, giảm 2,5% (186 ngàn con) so cùng kỳ, đạt 61% kế hoạch năm.

Về Công tác xây dựng cơ sở, vùng, chuỗi sản xuất ATDB:

- Xây dựng cơ sở ATDB: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã có 61 cơ sở chăn nuôi gia cầm và 115 cơ sở chăn nuôi lợn được công nhận ATDB.

- Xây dựng chuỗi, vùng ATDB: Tiếp tục triển khai các hoạt động xây dựng vùng ATDB đối với gà tại 06 huyện, thị xã, thành phố: Tp. Đồng Xoài, Chơn Thành, Hớn Quản, Tx. Bình Long, Đồng Phú và Bù Đăng. Vùng ATDB (huyện Đồng Phú) đã được Cục Thú y công nhận vùng ATDB đối với bệnh Cúm gia cầm tiếp tục các biện pháp duy trì (do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên việc lấy mẫu giám sát chưa thực hiện theo kế hoạch).

- Kết quả xây dựng chuỗi sản xuất thịt gà ATDB để xuất khẩu: Chuỗi sản xuất thịt gà an toàn dịch bệnh để xuất khẩu của công ty TNHH CPV Food tiếp tục triển khai các hoạt động của dự án theo kế hoạch. Hiện nay chuỗi đã có 01 Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; 01 Nhà máy ấp; 03 trại gà giống; 05 trại gà thịt; 01 Nhà máy giết mổ và chế biến; 05 trại gà thịt đang được xây dựng.

Về tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản:

- Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 25 xã, phường thuộc 08 huyện, thị xã, thành phố (*Bù Đăng, Hớn Quản, TX. Phước Long, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Đồng Phú, TP. Đồng Xoài, Bù Đốp*). Tổng số lợn tiêu hủy là 2.587 con/150.631kg. Các ổ dịch đã được xử lý kịp thời theo quy định, hạn chế lây lan ra diện rộng.

- Bệnh Viêm da nổi cục: trên đàn bò tại 43 xã thuộc 10 huyện, thị xã, thành phố (*Bù Đốp, Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Phước Long, Đồng Phú, Bình Long*) với tổng số bò bị bệnh là 664 con; số bò chết và tiêu hủy 95 con bò/11.538 kg. Hiện nay dịch bệnh có chiều hướng giảm dần sau khi đàn gia súc được tiêm phòng viêm da nổi cục và có miễn dịch bảo hộ.

- Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) gia súc: xuất hiện 01 ổ dịch tại xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng. Dịch đã phát sinh 13 con bò bị bệnh. Số bò bị bệnh đã được cách ly, chăm sóc, điều trị và thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh theo quy định. Đến nay dịch bệnh đã được khống chế, đã qua 21 ngày.

- Bệnh Cúm gia cầm: đã xảy ra tại ấp Vườn Rau, xã Thanh Phú, TX. Bình Long với tổng số gà tiêu hủy 5.000 con gà, trọng lượng: 10.000kg.

1.3. Thủy sản:

Năm 2021, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.596 ha, tăng 27 ha so với năm 2020. Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản ước đạt: 4.759 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 4.401 tấn; sản lượng khai thác 358 tấn.

1.4. Lâm nghiệp:

- Giao khoán bảo vệ rừng: 32.737,58 ha (không bao gồm diện tích rừng tự quản lý bảo vệ), trong đó: rừng đặc dụng: 19.575,16 ha; rừng phòng hộ: 11.569,31 ha; rừng sản xuất (rừng tự nhiên): 1.593,11 ha.

- Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm rừng đặc dụng: 12 cộng đồng

- Trồng rừng: 200 ha, gồm:

+ Trồng rừng thay thế trên đất rừng phòng hộ và đất bán ngập: 89 ha.

+ Trồng rừng sản xuất (Khu DTLS Tà Thiết): 111 ha.

- Chăm sóc rừng trồng: 512,11 ha.

- Tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: 82 đợt. Phát ranh phòng chống cháy rừng: 146,6 ha.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng: những tháng đầu năm 2021, thời tiết trên địa bàn nắng, nóng trên diện rộng; một số nơi xuất hiện nguy cơ cháy ở Cấp IV, cấp V – Cấp nguy hiểm và rất nguy hiểm. Ngành thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và duy trì chế độ thường trực 24/24 giờ trong suốt mùa khô để kiểm soát chặt chẽ người vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy cao, giảm thiểu nguồn lửa; phát hiện kịp thời điểm cháy; hướng dẫn khách tham quan du lịch đảm bảo an toàn phòng, chống cháy rừng tại những khu di tích, danh lam thắng cảnh.

Tuy nhiên từ đầu năm đến nay, các đơn vị trực thuộc kiểm tra và phát hiện 02 vụ vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy gây cháy rừng: Vụ thứ nhất xảy ra tại tiểu khu 89 – Ban QLRP Lộc Ninh thuộc xã Lộc Thạch, huyện Lộc Ninh là rừng trồng Cao su của Công ty TNHH Tân Tiến. Vụ thứ hai xảy ra tại khoảnh 5, tiểu khu 378 thuộc địa giới hành chính xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú là rừng trồng cây Giá tỵ với diện tích 1,0 ha, tuy nhiên đây chỉ là cháy lan dưới tán, không ảnh hưởng đến sinh trưởng của rừng. Hiện vụ việc đã được Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú lập hồ sơ xử phạt hành chính đối với đối tượng vi phạm.

- Công tác bảo vệ rừng: Các biện pháp bảo vệ phòng chống chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật và ngăn chặn khai thác, vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản trái pháp luật đã được thực hiện nghiêm túc, công tác kiểm tra, truy quét được tăng cường ở những khu vực điểm nóng phá rừng khai thác rừng trái phép. Trong năm 2021 xảy ra 62 vụ. Số vụ đã xử lý: 55 vụ (54 vụ là xử lý hành chính và 01 vụ xử lý hình sự). Tang vật, phương tiện vi phạm tịch thu: 21,039 m³ gỗ, bao gồm: 10,105 m³ gỗ tròn và 10,934 m³ gỗ xẻ; 0,262 Ster củi, 0,15 m³ gốc cây; 05 cá thể động vật rừng gồm 02 cá thể khỉ đuôi lợn, 01 cá thể Nhím, 01 cá thể Trăn đất, 01 cá thể Khỉ mốc; 09 xe mô tô, gắn máy, 02 khẩu súng tự chế, 03 cưa máy, 04 dao, 01 lam cưa, 01 móc lỏi, 09 dây bẫy. Tổng số tiền thu nộp ngân sách: 650.185.651 đồng.

- Công tác sử dụng và phát triển rừng:

+ Công tác trồng cây xanh: đã thực hiện giao, nhận và hoàn thành công tác trồng cây xanh là 844.658 cây/1 triệu cây, đạt tỷ lệ 84,47% so với mục tiêu kế hoạch đã đặt ra.

+ Công tác phát triển rừng: thường xuyên kiểm tra khoán bảo vệ rừng của 06 đơn vị chủ rừng; hoàn thành công tác kiểm tra công tác chăm sóc rừng trồng của 04 đơn vị.

Ngoài ra, thực hiện trình UBND tỉnh kế hoạch trồng cây xanh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

*** Công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp:**

- Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện nay là 174.425,19 ha (trong quy hoạch 3 loại rừng là 173.058,74 ha; ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 1.366,45 ha); trong đó:

+ Đất có rừng là 158.239 ha (rừng tự nhiên: 55.868 ha; rừng trồng thành rừng: 102.371 ha).

- Độ che phủ của rừng trên toàn tỉnh tính ước đến ngày 31/12/2021 là **23,01 %**.

1.5. Công tác chi trả DVMTR:

Năm 2021, tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng dự kiến thu uỷ thác là 33.998.821.000 đồng, trong đó: Quỹ Trung ương điều phối về cho Quỹ tỉnh là: 31.997.005.000 đồng; Quỹ tỉnh trực tiếp thu là: 2.001.816.000 đồng.

Kết quả dự kiến chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021: 20.502.000.000 đồng, trong đó:

- Chi cho các đơn vị chủ rừng có cung ứng DVMTR là: 17.702.000.000 đồng .

- Chi hoạt động quản lý Quỹ (10 %) là: 2.800.000.000 đồng.

1.6. Lĩnh vực thủy lợi – Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn và tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Về thủy lợi: trong năm 2021, thực hiện khởi công và sửa chữa 19 công trình, cụ thể: khởi công xây dựng mới: 13 công trình; sửa chữa 06 công trình; số công trình bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác sử dụng: 09 công trình. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 73 công trình thủy lợi vừa và nhỏ các loại, trong đó có 62 hồ chứa vừa và nhỏ, 09 đập dâng, 01 trạm bơm và 01 hệ thống kênh sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn, với năng lực thiết kế tưới là 9.286 ha; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt với công suất 133.642 m³/ngày đêm. Kết quả sản xuất, phục vụ tưới đến nay đạt: 6.939 ha (*đạt 75,04% công suất thiết kế*) và cấp nước sinh hoạt 10,106 triệu m³/năm (*đạt 20,71% công suất thiết kế*). Tổng diện tích tưới chủ động theo thiết kế của các công trình thủy lợi đạt 13,07% so với tổng diện tích cây trồng cần tưới trên địa bàn tỉnh (*tính đến cuối năm 2021, diện tích cây cần tưới tưới trên địa bàn tỉnh là 70.765ha*). Diện tích cây trồng còn lại, người dân phải dùng biện pháp tưới bằng động lực như dùng bơm điện, bơm dầu để bơm tưới từ nguồn nước mặt sông, suối, ao, hồ, nước ngầm.

- Về lĩnh vực nước sạch:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 40 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung với tổng công suất thiết kế 14.729m³/ngày/đêm, trong đó có 15 công trình do Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước quản lý, sử dụng khai thác và 25 công trình do UBND các xã quản lý, sử dụng khai thác để cấp nước sạch cho người dân.

Tính đến cuối năm 2021, tổng số dân nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng thêm 13.584 người, nâng số người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến hết năm 2021 là 806.355 người, chiếm 98,4% dân số nông thôn trong tỉnh, tăng 0,4% đạt 100% kế hoạch được giao.

- Về phòng chống thiên tai: năm 2021, tuy không chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão và áp thấp nhiệt đới, nhưng các thiên tai khác như lũ lụt, giông, gió, lốc xoáy và sét đã gây thiệt hại trên toàn tỉnh cao (1 người chết; 1 căn nhà bị sập; 273 căn nhà bị tốc mái; 347,516 ha cây trồng cao su, điều, tiêu, cà phê, cây ăn trái gãy đổ và ngã rạp; 5.000 con gà, 23 con heo bị cuốn trôi; tràn ao cá diện tích 2.400m² ... hư hỏng các tài sản, vật dụng khác).

Trước tình hình thiên tai để chủ động trong công tác PCTT & TKCN trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh phối hợp Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thị xã, thành phố thực hiện: Tăng cường tuyên truyền, cảnh báo, chỉ đạo các địa phương sẵn sàng, chủ động ứng phó với thiên tai trong mùa mưa năm 2021; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT trên địa bàn tỉnh cho UBND các xã, cộng

đồng dân cư của xã; chỉ đạo các địa phương tổ chức kiểm tra, rà soát các khu vực, địa điểm có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập úng; UBND tỉnh đã đầu tư 28 trạm đo mưa tự động giúp công tác dự báo, cảnh báo mưa lớn ... để kịp thời tham mưu, chỉ đạo phối hợp các đơn vị liên quan gia cố, khắc phục, cảnh báo hoặc vận động di dời đến nơi an toàn; đồng thời đề nghị các địa phương chủ động phương án sẵn sàng ứng phó với thiên tai trong điều kiện dịch bệnh.

2. Phát triển nông thôn, trọng tâm là thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Năm 2021, đạt 10 xã nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch. Nâng tổng số xã nông thôn mới trên toàn tỉnh là 70 xã. Thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 3 đơn vị (Đồng Xoài, Phước Long và Bình Long); Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện Đồng Phú và Chơn Thành trình, thẩm định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao đang được các địa phương tích cực triển khai thực hiện hoàn thiện các tiêu chí, đến cuối năm 2021 có 6/7 xã đạt 14/14 tiêu chí (nguyên nhân: xã Thanh Lương – TX. Bình Long xin về đích qua năm 2022). Nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh là 14/70 xã.

- Thực hiện đẩy mạnh chủ trương sử dụng xi măng theo cơ chế đặc thù và bố trí nguồn lực để tập trung xây dựng đường giao thông nông thôn, với kế hoạch năm 2021 là 618 km, với nguồn vốn hỗ trợ 7 huyện là: 120.000 triệu đồng (Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 28/12/2020) và 75.000 tấn xi măng (đợt I). Dự kiến đến 31/12/2021 làm được 500/618km, 118km còn lại tiếp tục hoàn thiện trong những tháng đầu năm 2022. *(Nguyên nhân không hoàn thành: năm 2021 dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tỉnh Bình Phước thực hiện giãn cách thời gian dài, ảnh hưởng đến tiến độ thi công các tuyến đường NTM. Ngoài ra, việc mua xi măng sẽ điều chỉnh hình thức từ trả chậm sang lập dự án mua sắm tập trung).*

3. Chương trình Kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, Ngành nghề nông thôn & Xúc tiến thương mại

- Trên địa bàn tỉnh có 495 trang trại; 86 tổ hợp tác; 179 hợp tác xã nông nghiệp và 320 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, có 260 chuỗi liên kết tập trung tại các trang trại lĩnh vực chăn nuôi gia công và do các công ty nắm vai trò điều phối và điều khiển các hoạt động của các thành viên trong chuỗi, nông dân là mắt xích của liên kết chuỗi; Hồ tiêu có khoảng 60 đơn vị (HTX, THT, Câu lạc bộ) tham gia chuỗi liên kết với Công ty Nesdpice; 10 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu Điều tham gia liên kết với khoảng 24 đơn vị (HTX, THT, trang trại) diện tích liên kết 3.200 ha đạt chứng nhận hữu cơ Mỹ/EU; trái cây có khoảng 20 doanh nghiệp tham gia liên kết với khoảng 30 đơn vị (HTX, THT, trang trại).

- Năm 2021, xây dựng 03 chuỗi liên kết gồm: 01 chuỗi liên kết bưởi da xanh cho HTX bưởi da xanh Đa Kia, 02 chuỗi liên kết Điều cho HTX Như Hoàng và HTX Hoà Phú.

- Về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói: thực hiện công tác kiểm tra giám sát 7 vùng trồng và 7 mã số cơ sở đóng gói đã được cấp mã số; cấp mới 01 cơ sở đóng gói đến nay tổng cả tỉnh đã có 15 cơ sở đã cấp mã số (7 mã số vùng trồng 8 cơ sở đóng gói).

- Về Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): thực hiện đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đạt từ 3-4 sao năm 2021; năm 2021 trên địa bàn tỉnh có 44 sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm, phát triển ngành nghề nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Công tác quản lý Nhà nước về thanh tra:

Trong năm 2021, đã thực hiện:

- Thanh tra hành chính: thực hiện 01 cuộc Thanh tra đột xuất tại Ban QLRPH Bù Đốp và thực hiện 05 kết luận thanh tra.

- Thanh tra chuyên ngành: 09 cuộc đã thực hiện thanh tra 14 cá nhân vi phạm, với những lĩnh vực thanh tra chủ yếu: An toàn thực phẩm, Chăn nuôi Thú y, Giống cây trồng, Lâm nghiệp, Thủy sản, Thủy lợi. Kết quả đã ban hành 14 quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành, với số tiền phạt nộp ngân sách Nhà nước là 80.750.000 đồng.

5. Công tác QLNN về giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật:

Năm 2021, đã thực hiện giải quyết 105 hồ sơ thẩm định điều kiện kinh doanh phân bón thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng gồm

- Thẩm định điều kiện kinh doanh phân bón 39 hồ sơ;
- Thẩm định điều kiện kinh doanh Thuốc bảo vệ thực vật 55 hồ sơ: cấp mới 18, cấp lại 37.

- Quảng cáo phân bón, thuốc BVTV 05 hồ sơ: thuốc BVTV 01, Phân bón 04

- Giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 02 hồ sơ

- Công bố hợp quy phân bón: 01 hồ sơ

- Công nhận vườn cây đầu dòng: 03 hồ sơ.

6. Công tác quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2021: đã thẩm định, xếp loại được 41 cơ sở, 01 xếp loại A, 38 cơ sở xếp loại B, 02 cơ sở xếp loại C.

- Công tác xác nhận kiến thức ATTP: đã cấp 29 giấy xác nhận ATTP.

- Công tác thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: đã giải quyết 53 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cấp cho cơ sở.

- Công tác tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm: đã tiếp nhận hồ sơ tự công bố sản phẩm của 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh, đồng thời đăng tải công khai danh sách cơ sở tự công bố sản phẩm lên trang website của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Công tác tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7. Về quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường:

Theo Kế hoạch, đến hết năm 2021, độ che phủ của rừng và cây lâu năm trên địa bàn ước đạt 75,22%, tương ứng diện tích: 517.269 ha, trong đó:

- Độ che phủ của rừng (rừng trồng, rừng tự nhiên): 23,01%, tương ứng diện tích: 158.239 ha (rừng tự nhiên: 55.868 ha; rừng trồng: 102.371 ha).

- Độ che phủ của cây lâu năm: 52,21% (cao su: 32,18%; Điều: 20,03%), tương ứng với diện tích: 359.030 ha (cao su: 221.322 ha; Điều: 137.708 ha).

8. Về hoạt động dịch vụ nông nghiệp:

- Phối hợp với Đài PTTH chạy tin giá các mặt hàng nông sản, vật tư nông nghiệp trên Đài PTTH với tần suất 2 lần/ngày được phát sóng vào lúc 11h30 hàng ngày và phát lại lúc 18h30 cùng ngày. Hàng ngày cập nhật giá cả nông sản đưa lên website của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh và thực hiện 08 phóng sự phục vụ bà con nông dân trên địa bàn tỉnh với các nội dung: Mô hình nuôi ruồi Lính đen; Mô hình trồng ớt cho thu nhập cao; Công tác sản xuất điều giống và hiệu quả của mô hình thâm canh Điều bền vững; Canh tác hồ tiêu hữu cơ bền vững; Chăm sóc vườn điều sau thu hoạch; Vươn lên trong

khó khăn (chăn nuôi dê); Phòng, trị bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò; Nhà nông thời công nghệ 4.0. Phóng sự được phát sóng trên chuyên mục “Khuyến nông” lúc 17h40 trên kênh BPTV1.

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Xây dựng và Phát triển mô hình sản xuất Điều bền vững từ nguồn vốn Trung ương, Dự án phát triển chuỗi cung ứng tiêu bền vững.

- Công tác sản xuất tại Trại giống Cây trồng, vật nuôi, thủy sản: chăm sóc nuôi vỗ đàn cá bố mẹ cho sinh sản gồm (Rô phi, Lăng nha). Kết quả đã xuất bán được 2.408.000kg bột cá lăng và ương 2.160.000 con bột lên con giống; 31.200 con giống, 2.100 con cá lăng nha; cá rô phi: cá rô phi Gift đã sản xuất được 1.415 kg cá giống; cá Trắm cỏ: sản xuất được 400kg cá giống; Cá chép Koi: Khoảng 80-100 kg; Cá trê: Sản xuất khoảng 993 kg cá giống. Chăm sóc tốt các vườn cây đầu dòng: điều, ca cao, cây ăn trái sinh trưởng phát triển tốt; thực hiện xuất bán 40.000 cây điều giống PN1.

9. Về chỉ đạo sản xuất, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ, vận chuyển nông sản:

Để kịp thời hỗ trợ các huyện và người dân tiêu thụ nông sản, đảm bảo cung ứng tốt trên địa bàn tỉnh và các địa phương phải thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Tổ Chỉ đạo sản xuất, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ, vận chuyển nông sản của ngành Nông nghiệp và PTNT trong điều kiện dịch Covid-19 (*Tổ 314 - Quyết định 314/QĐ-SNN-VP ngày 17/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc kiện toàn Tổ Chỉ đạo sản xuất, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ, vận chuyển nông sản của ngành Nông nghiệp và PTNT trong điều kiện dịch Covid-19*). Thực hiện thông tin nhanh về giá cả, sản lượng và tình hình sản xuất, cung ứng các sản phẩm nông sản có thể gặp khó khăn trong tiêu thụ trước tình hình dịch bệnh, kịp thời báo cáo và tham mưu Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh các giải pháp; phối hợp với các cơ quan liên ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và xây dựng phương án ứng phó trong sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu thụ nông sản trong điều kiện dịch Covid-19.

Hàng tuần, tổ 314 đều tổ chức họp trực tuyến với các huyện, thị, thành phố để tháo gỡ kịp thời khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ nông sản trên địa bàn các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, trong điều kiện tình hình mới. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập các Tổ Công tác tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Quyết định 379/QĐ-SNN-VP ngày 21/10/2021). Qua đó, đã phân công cụ thể phụ trách địa bàn các huyện, thị, thành phố nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các chủ trương của Tỉnh ủy, Nghị Quyết của HĐND tỉnh, các văn bản chỉ đạo của UBND, chủ động phối hợp chặt chẽ với các địa phương có liên quan kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân liên quan đến ngành Nông nghiệp và PTNT và đề xuất hướng xử lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân liên quan đến ngành Nông nghiệp và PTNT.

Kết quả cụ thể:

- Về kết nối nông sản: tiếp tục tổng hợp, cập nhật thông tin các nông sản có nhu cầu tiêu thụ nông sản gửi: Tổ công tác 970 Bộ Nông nghiệp và PTNT đăng trên Báo Nông nghiệp Việt Nam, sàn giao dịch điện tử Website <https://htx.cooplink.com.vn> và web <https://sanocop.vn>, gửi các doanh nghiệp thu mua, các hệ thống siêu thị của thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời cung cấp thông tin cho: Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh (postmart.vn); Viettel (Voso.vn); Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh nhằm cùng nhau hỗ trợ nông dân tiêu thụ nông sản.

- Lũy kế từ ngày 20/7/2021 đến ngày 15/10/2021 kết quả hỗ trợ tiêu thụ nông sản:

+ Sản phẩm từ chăn nuôi: 136,9 tấn, trong đó: gà:120 tấn; vịt:12,2 tấn, heo 4,7 tấn và 116.000 trứng gà tập trung tại Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đăng.

+ Sản phẩm từ trồng trọt: rau củ quả các loại: 55,1 tấn và 1,5 tấn măng chua. Trái cây các loại: 280,4 tấn. Trong đó: bưởi da xanh: 45 tấn; Dưa lưới: 11 tấn; Cam xoàn: 1,4 tấn; cam sành 0,7 tấn; Nhãn da bò: 172 tấn; Nhãn xoàng. 24,5 tấn; Chôm chôm: 20,4 tấn; Ổi: 2,4 tấn; Đu đủ: 5 tấn.

10. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy Bình Phước về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025: gồm có các chương trình sau:

(1) Xây dựng đề án nâng cấp, phát triển hệ thống thủy lợi khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

(2) Đề án tái cơ cấu toàn diện ngành Nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

(3) Đề án Sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường.

(4) Đề án Phát triển vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

(5) Đề án Quản lý phát triển rừng và nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với phát triển du lịch.

(6) Đề án Phát triển hệ thống bảo quản sau thu hoạch.

(7) Xây dựng các quy định, chính sách liên quan về quản lý, cung cấp giống, vật tư nông nghiệp, hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, trang trại, hội quán, hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp.

(8) Triển khai thực hiện CTMTQG xây dựng NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

11. Kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2021:

Công bố, cập nhật, công khai, niêm yết TTHC tại cơ quan phục vụ cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết TTHC: Rà soát và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 863/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 Về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 về Công bố chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm PVHCC, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tình hình, kết quả giải quyết TTHC: Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm: 462, trong đó: Số mới tiếp nhận: 442 (trực tuyến: 442; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0); số từ kỳ trước chuyển qua: 20. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 436; trong đó, giải quyết trước hạn, đúng hạn: 433, quá hạn:0 hồ sơ; Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 26 ; trong đó, trong hạn: 26; quá hạn:0.

Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử: Thực hiện rà soát, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3,4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công với 74 TTHC nâng cấp 100% thủ tục

mức độ 4 được đưa ra nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả trên dịch vụ công.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2021, là năm thứ nhất thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, diễn ra với rất nhiều khó khăn đối với ngành Nông nghiệp cũng như toàn xã hội. Từ đầu năm, dịch bệnh Covid-19, với nhiều biến chủng mới, diễn biến phức tạp gây lây lan đến nhiều địa phương tỉnh thành khu vực phía Nam, trong đó có Bình Phước. Việc hạn chế lưu thông dẫn đến sản xuất và tiêu thụ nông sản bị đình trệ; giá phân bón tăng cao; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; biến đổi khí hậu, thiên tai dự báo tiếp tục tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. . . Nhưng với nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công chức toàn ngành nông nghiệp và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; bám sát tình hình thực tiễn phối hợp các địa phương triển khai toàn diện các nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả. Tái cơ cấu được triển khai trên tất cả các lĩnh vực; đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, kiểm soát tốt dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chủ động đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết; thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng; công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm các mặt hàng nông lâm thủy sản được chỉ đạo kịp thời. Kiểm soát được tình hình buôn bán và sử dụng chất cấm trong sản xuất.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hoàn thành 10 xã về đích theo kế hoạch, chú trọng tập trung phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

Bên cạnh đó, ngành Nông nghiệp và PTNT vẫn tồn tại những hạn chế:

Một là, tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, dịch bệnh, thị trường tiêu thụ. Các cây trồng chủ lực của địa phương chủ yếu ở mức sinh kế, chưa trở thành chìa khóa đem lại cuộc sống sung túc cho người nông dân.

Hai là, năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; công tác bảo quản sau thu hoạch còn kém phát triển, phần lớn nông sản tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng sơ chế, thô nên giá trị gia tăng không cao; tình trạng được mùa mất giá vẫn còn xảy ra.

Ba là, Quy mô sản xuất nông nghiệp tương đối nhỏ lẻ, chủ yếu là kinh tế hộ; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp; chưa có nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn, chất lượng đồng bộ..

Bốn là, các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn chậm được đổi mới; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa phổ biến; sản xuất chưa gắn kết được với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

Năm là, Các nhà máy, doanh nghiệp chế biến nông sản chưa quan tâm hỗ trợ người dân sản xuất, sản phẩm chưa đi vào quy trình sản xuất vì vậy chất lượng sản phẩm chưa cao, năng suất lao động còn thấp; thiếu hệ thống kho lạnh, chưa có nhà máy chế biến đổi với cây ăn trái, sản phẩm chủ yếu bán thô. Chỉ có các Nhà máy chế biến hạt điều hoạt động khá tốt nhưng chưa có chế biến sâu.

*** Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế, yếu kém:**

- Về Khách quan: tình hình thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh Co vid -19 lây lan trên diện rộng ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm nông sản làm cho giá nông sản thấp; giá phân bón tăng cao làm tăng giá thành sản xuất, nông dân hạn chế bón phân nên nguy cơ cao giảm sản lượng cho vụ tới (cây điều, tiêu, cà phê).

- Về chủ quan:

+ Trình độ sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như quy mô sản xuất của nông nghiệp còn hạn chế, dẫn đến thiếu giải pháp hiệu quả để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, trong khi hội nhập kinh tế tạo ra sức ép không nhỏ về nhiều mặt trong sản xuất nông nghiệp.

+ Quan niệm sản xuất nông nghiệp của người dân chưa theo kịp với hội nhập, để thay đổi quan điểm sản xuất cần phải có thời gian và những bước chuyển.

+ Hệ thống chuyên ngành Trồng trọt –BVTV không còn nên chậm, thậm chí thiếu thông tin về dịch bệnh, diễn biến sản xuất để chỉ đạo sản xuất hiệu quả; hạn chế trong công tác đánh giá, giám sát các quy trình canh tác, chất lượng đất canh tác, các tiến bộ kỹ thuật để điều chỉnh quy trình sản xuất (trong điều kiện biến đổi khí hậu); công tác tuyên truyền, giám sát chất lượng vật tư đầu vào hạn chế, thiếu *(hiện nay nhiều loại thuốc BVTV độc hại đã cấm sử dụng, thuốc ngoài danh mục nhưng nông dân không biết, không tuân thủ nên một số nông sản vẫn bị phát hiện tại nước nhập khẩu)* nên một số nông sản không xuất khẩu được.

PHẦN THỨ II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2022

I. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2020-2025, trong bối cảnh tình hình thời tiết và biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, dịch bệnh Covid -19 diễn biến khó lường, tạo ra nhiều khó khăn thách thức trong việc hoàn thành mục tiêu tổng quát trong giai đoạn 2020-2025 là *“Phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại”*. Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành như sau:

- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp tăng **5,5%** so với năm 2021.
- Nâng tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm chung toàn tỉnh: 75,6% (trong đó tỷ lệ che phủ rừng tự nhiên và rừng trồng là 23,01%).
- Đưa tỷ lệ các hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 98,8%.
- Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: phấn đấu đưa 07 xã đạt chuẩn Nông thôn mới về đích trong năm 2022 (77 xã đạt chuẩn) và 09 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao (23 xã đạt chuẩn).

Để đạt mục tiêu các chỉ tiêu đề ra toàn Ngành cần tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

II. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao cho ngành Nông nghiệp và PTNT theo Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy.

2. Tiếp tục phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC quy mô lớn, tăng cường nâng cao giá trị gia tăng, gắn với liên kết chuỗi giá trị sản xuất, chế biến xuất khẩu:

2.1. Về trồng trọt:

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế của tỉnh và thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay; tăng cường ứng dụng khoa học công

nghệ, sử dụng giống mới, năng suất và chất lượng cao. Duy trì tốt công tác phòng chống sâu bệnh trên cây trồng. Năm 2022, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 25.348 ha và tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm và ăn quả: 429.446 ha.

1.2. Về chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô công nghiệp, liên kết theo chuỗi và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hoàn thành xây dựng vùng chăn nuôi an toàn cho các loại vật nuôi chính liên kết với hệ thống giết mổ, chế biến tập trung, công nghiệp gắn với phát triển thị trường. Phát triển đàn heo 1.395.500 con; đàn trâu 13.150 con; đàn bò 40.435 con; đàn gia cầm đạt 7.745 ngàn con. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 180.000 tấn.

1.3. Thủy sản:

Tiếp tục triển khai các hoạt động khuyến ngư, quản lý chất lượng con giống và thức ăn, thuốc thú y trong thủy sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản. Năm 2022, diện tích nuôi trồng 1.600 ha, sản lượng đạt 4.880 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 4.500 tấn, sản lượng khai thác 380 tấn.

1.4. Lâm nghiệp:

- Triển khai hoàn thành kế hoạch trồng cây xanh năm 2022.
- Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong vùng đặc biệt là đồng bào dân tộc bản địa về vai trò và tầm quan trọng của rừng để từ đó nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

- Tăng cường các biện pháp quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy chữa cháy rừng.

- Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến về chính sách chi trả DVMTR đối với các đơn vị sử dụng và các đơn vị cung cấp DVMTR cũng như các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2022.

1.5. Thủy lợi – Nước sạch và VSMTNT:

- Về thủy lợi: thực hiện các biện pháp ổn định nguồn nước, chống biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, phục vụ phát triển ngành nông nghiệp; đồng thời nhằm cung cấp nước tưới cho cây trồng cạn, phục vụ trồng trọt và phát triển công nghiệp địa phương, nước sinh hoạt và chăn nuôi; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình, dự án đề xuất đầu tư, cụ thể:

- + Sửa chữa, nâng cấp các công trình an toàn hồ chứa

- + Triển khai mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực có giá trị kinh tế cao nhằm phát huy hiệu quả công trình góp phần vào nâng cao tiêu chí về thủy lợi tại các xã về đích nông thôn mới.

- + Khảo sát, đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; rà soát, đánh giá hiện trạng tổ chức thủy lợi cơ sở và thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Về nước sinh hoạt hợp vệ sinh: Đưa tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến cuối năm 2022 lên 98,8%, tăng 0,4% so với 2021 góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

- Nước sinh hoạt đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của Bộ Y tế: Nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch trong sinh hoạt đáp ứng tiêu chí về nước sạch cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới (từ 65% trở lên).

2. Phát triển nông thôn, trọng tâm là thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

2.1. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao chất lượng, phù hợp với từng địa phương. Phần đầu đến hết năm 2022 sẽ đạt chuẩn nông thôn mới thêm 07 xã và cả tỉnh là 77 xã, đạt 85,5% xã đạt nông thôn mới.; 09 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế 23 xã đạt chuẩn), bao gồm:

- 07 Xã phần đầu nông thôn mới (tiêu chuẩn): Huyện Bù Đăng 02 xã: Thọ Sơn và Đoàn Kết; Huyện Bù Đốp: xã Phước Thiện; Huyện Phú Riềng: xã Long Hà; Huyện Lộc Ninh 02 xã: Lộc Thành và Lộc Hòa; Huyện Hớn Quản: xã Minh Đức.

- 09 xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- + Huyện Phú Riềng: xã Long Hưng;
- + Huyện Lộc Ninh: xã Lộc Điền;
- + Huyện Bù Gia Mập: xã Phú Nghĩa;
- + Huyện Chơn Thành: xã Minh Thắng;
- + Huyện Đồng Phú: xã Thuận Phú;
- + Huyện Hớn Quản: xã Đồng Nơ;
- + Thị xã Phước Long: xã Long Giang;
- + Thị xã Bình Long: xã Thanh Lương;
- + Huyện Bù Đăng: Xã Đức Liễu;

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường BTXM theo cơ chế đặc thù. Dự kiến trong năm 2022, xây dựng thêm 508km.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung của huyện NTM tại Đồng Phú và Chơn Thành, đồng thời từng bước hoàn thiện tiêu chí Huyện NTM tại Lộc Ninh....

2.2. Chương trình kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại và ngành nghề nông thôn:

- Tập trung các nguồn lực, hoạt động có liên quan cho các xã xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch về đích năm 2022 đạt tiêu chí số 13; hỗ trợ thành lập mới cho các HTX, THT; hỗ trợ xây dựng các mô hình hợp tác, liên kết tiêu thụ hợp đồng chuỗi giá trị theo Kế hoạch hành động phát triển 15000 HTX trên địa bàn tỉnh và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết tiêu thụ sản phẩm; triển khai các chuỗi liên kết sản xuất theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước. . .

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2019-2025, định hướng 2030, Phát triển sản phẩm OCOP theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp với các huyện, thị xã thành phố, các đơn vị dạy nghề đủ năng lực để phân bổ chỉ tiêu đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phù hợp theo nhu cầu của địa phương.

- Triển khai có hiệu quả mô hình liên kết chuỗi giá trị khi được các cấp thẩm định, phê duyệt, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai:

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống thủy lợi, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững của toàn ngành; nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác các công trình thủy lợi; tăng cường năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã được công bố tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Bình Phước (Công tác thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP).

- Thanh, kiểm tra đột xuất về an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh đe dọa đến sức khỏe người tiêu dùng.

5. Tăng cường các hoạt động khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất các loại giống chất lượng cao, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Tiếp tục việc thực hiện liên kết với các viện, trường, trạm nghiên cứu để tìm kiếm công nghệ, ứng dụng mới áp dụng phục vụ cho phát triển và tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện mô hình khoa học công nghệ làm cơ sở tăng năng suất, chất lượng hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trồng trọt, tham mưu đề xuất các dự án phát triển điều, hồ tiêu, một số loại cây ăn trái chủ lực bền vững.

- Xây dựng các chương trình, dự án phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh và của ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Thường xuyên củng cố và nâng cao năng lực hệ thống cán bộ nông nghiệp thông qua các lớp đào tạo, tập huấn. Đáp ứng yêu cầu trong quản lý phòng chống dịch bệnh trên cây trồng tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tính chất nguy hiểm và các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn người chăn nuôi, trồng trọt;

6. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Ban Hội nhập Kinh tế quốc tế tỉnh Bình Phước năm 2022.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại nhằm phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của ngành nông nghiệp, góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn mà trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành; nâng cao giá trị sản xuất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông lâm thủy sản. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm nông lâm thủy sản nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành.

- Triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

- Công tác thủ tục hành chính: Tiến hành rà soát, cập nhật, công bố, công khai quy định thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành Luật tiết kiệm, chống lãng phí:

+ Triển khai có hiệu quả Luật phòng chống tham nhũng, Luật tiết kiệm, chống lãng phí cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong Sở, đảm bảo hàng năm không có cá nhân, tổ chức vi phạm.

+ Tiếp tục tổ chức tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo các quy định, kế hoạch liên quan. Phối hợp các cơ quan chức năng, ban, ngành của tỉnh và địa phương giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo đúng quy định của pháp luật, không để tồn đọng, kéo dài dẫn đến khiếu kiện vượt cấp.

III. Giải pháp thực hiện:

1. Triển khai có hiệu quả các Đề án của ngành Nông nghiệp và PTNT theo Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy, sau khi được phê duyệt.

2. Quy hoạch lại vùng sản xuất nguyên liệu, trên cơ sở tái cơ cấu toàn diện phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT: tập trung thực hiện cơ cấu lại diện tích canh tác theo lợi thế và thị trường. Chuyển đổi diện tích trồng kém hiệu quả sang các mục đích sử dụng hoặc sản phẩm khác theo hướng để tận dụng lợi thế tự nhiên, nâng cao giá trị gia tăng, giảm thiểu áp lực từ cạnh tranh với các vùng trồng khác.

3. Quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện còn, nâng cao hiệu quả kinh tế rừng; thực hiện cơ chế cho thuê rừng; xem xét lại hiệu quả chính sách khoán rừng trước đây để có giải pháp nâng cao hiệu quả, cung cấp gỗ củi cho các cơ sở chế biến gỗ. Quản lý và thực hiện việc trồng rừng trên các diện tích bán ngập tại các lòng hồ.

4. Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp trong đầu tư chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp. Tích cực hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp trong việc xúc tiến, kết nối các thị trường tiêu thụ, quảng bá thương hiệu để tiếp cận với phân khúc thị trường cao cấp trong nước, thâm nhập thị trường xuất khẩu chính ngạch. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường được cập nhật thường xuyên, giúp người sản xuất có đủ thông tin, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tránh tình trạng được mùa, rớt giá.

5. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội và bảo đảm sự phát triển nông nghiệp bền vững.

6. Xây dựng chuỗi liên kết thông qua các hình thức chuỗi hợp tác sản xuất, theo đó lấy doanh nghiệp chế biến làm chủ đạo, điều hành chuỗi để triển khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước, hợp đồng cung cấp vật tư phân bón, thu mua, chia sẻ kinh nghiệm, rủi ro, đảm bảo quyền lợi của các bên trên cơ sở lợi nhuận bình quân. Trước mắt hình thành thí điểm 3 đến 5 mô hình liên kết trong ngành điều.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2021, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

(Có biểu chi tiết 01 và 02 kèm theo)

Nơi nhận:

- VP1, VP2 Bộ NN & PTNT;
- Tỉnh ủy; UBND, HĐND tỉnh;
- BGĐ Sở, Đảng ủy;
- Sở Tài chính;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các đơn vị, phòng ban Sở;
- Lưu: VT, KH (M.Hà).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

